

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN P  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/DS-ST  
Ngày: 08/12/2020  
V/v tranh chấp Hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Liêng Thị Hồng Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Thanh Long

2. Ông Nguyễn Ngọc Giang

***- Thư ký phiên tòa:*** ông Lê Văn Cum Anh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** bà Nguyễn Thanh Tuyền, Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp Hợp đồng dịch vụ, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 86/2020/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự :

**- Nguyên đơn:** ông Trần Hữu L, sinh năm 1957

Địa chỉ: X đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: Y đường số I, khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

**- Bị đơn:** Công ty TNHH Dịch vụ Thu hồi nợ Đ

Địa chỉ: Z ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Thanh S (Giám đốc) – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 11/5/2020, nguyên đơn – ông Trần Hữu L trình bày:* ngày 26/12/2019 ông ký hợp đồng thuê đòi nợ, hợp đồng ủy quyền với Công ty TNHH dịch vụ thu hồi nợ Đ (sau đây gọi tắt là công ty Đ), có người đại diện theo pháp luật là ông Lê Thanh S để công ty thực hiện dịch vụ đòi nợ. Ông đã đóng tạm ứng phí dịch vụ là 5.000.000 đồng. Đến ngày 30/3/2020 Công ty Đ

vẫn không thực hiện được việc thu hồi nợ cho ông, ông và công ty đã ký biên bản thanh lý hợp đồng. Đến nay công ty vẫn chưa trả lại ông số tiền ông tạm ứng nên ông khởi kiện yêu cầu công ty Đ trả cho ông 5.000.000 đồng.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* quá trình chuẩn bị xét xử Thẩm phán thực hiện đúng các quy định pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ quy định về quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án, Công ty Đ ký hợp đồng dịch vụ với ông L ngày 26/12/2019 nhưng không thực hiện hợp đồng là do lỗi của công ty, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 11/5/2020 ông Trần Hữu L yêu cầu ông Lê Thanh S trả số tiền tạm ứng phí dịch vụ đòi nợ thuê. Tại phiên tòa, ông L thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Công ty Đ trả số tiền 5.000.000 đồng. Bị đơn là Công ty TNHH Dịch vụ Thu hồi nợ Đ do ông S làm người đại diện theo pháp luật có địa chỉ trụ sở tại 377-379A ấp Nhơn Lộc 2, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ. Tòa án nhân dân huyện P đã thụ lý vụ án Tranh chấp hợp đồng dịch vụ để giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Bị đơn - Công ty TNHH Dịch vụ Thu hồi nợ Đ đã được tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 13/7/2020, ngày 04/8/2020 nên vụ án không hòa giải được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử, thông báo về việc mở phiên tòa ngày 19/11/2020, ngày 08/12/2020 nhưng Công ty Đ đều không có người đại diện đến tham dự. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Nguyên đơn – ông Trần Hữu L cung cấp bản sao Hợp đồng dịch vụ đòi nợ ngày 26/12/2019, hợp đồng ủy quyền không ngày tháng năm giữa nguyên đơn và Công ty TNHH Dịch vụ Thu hồi nợ Đ, thời hạn thực hiện hợp đồng là 01 tháng. Đối tượng của hợp đồng là công việc thu hồi nợ (đã có Quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa của các đương sự số 95/2018/QĐST-DS ngày 14/12/2018 của Tòa án nhân dân quận N và Quyết định thi hành án số 833/QĐ-CCTHSDS của Chi cục Thi hành án Dân sự quận N). Nguyên đơn thừa nhận đối tượng hợp đồng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định 104/2007/NĐ-CP ngày 14/6/2007 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ đòi nợ, đồng thời sau đó ông L thực hiện theo yêu cầu của ông S rút đơn yêu cầu thi hành án (đã có Quyết định số 17/QĐ-CCTHADS ngày 14/01/2020 về việc đình chỉ thi

hành án). Như vậy, hai bên tự nguyện, thống nhất giao kết hợp đồng, nguyên đơn lựa chọn rút đơn yêu cầu thi hành án để giao việc thu hồi nợ cho Công ty Đ.

[4] Sau đó, phía công ty Đ không hoàn thành được công việc nên đến ngày 31/3/2020 hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng. Tại biên bản thanh lý hợp đồng, Công ty Đ bàn giao công việc lại cho ông L nhưng không đề cập đến khoản thu tạm ứng phí dịch vụ 5.000.000 đồng ông L đã đưa (theo phiếu thu ngày 26/12/2019). Do công việc thu hồi nợ không được hoàn thành đúng thời hạn, ông L là bên sử dụng dịch vụ có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại, cụ thể là số tiền tạm ứng, công ty Đ phải có trách nhiệm trả lại cho ông L. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn chịu án phí có giá ngạch tương ứng phân nghĩa vụ phải thực hiện.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 513, Điều 519, Điều 87, khoản 2 Điều 422 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH Dịch vụ Thu hồi nợ Đ có nghĩa vụ trả cho ông Trần Hữu L số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn nộp 300.000 đồng. Ông L được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 017501 ngày 23/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***

**Nơi nhận :**

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P;
- THADS H. P;
- Lưu (HS - 2b).

***Liêng Thị Hồng Hoa***